

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2020/DS-ST

Ngày: 30-9-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Đứng và bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa.

Ông Nguyễn Duy Toàn - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXX-DSST ngày 10 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2020/QĐST-DS ngày 22/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: quận B, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kiến Q (Có mặt)

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Đoàn Thị Thanh N (vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Ngọc V (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn Ko Đ, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/7/2017 bà Đoàn Thị Thanh N đã ký kết hợp đồng tín dụng số 5201LAV201700515 vay vốn tại ngân hàng N số tiền 1.800.000.000 đồng, lãi suất 10.5%, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn trồng tiêu. Tài sản đã thế chấp là các quyền sử dụng đất theo GCN QSDĐ số BX 900009 do UBND huyện B cấp ngày 25/5/2015; GCN QSDĐ số BX 900010 do UBND huyện B cấp ngày 25/5/2015; GCN QSDĐ số BK 470447 do UBND huyện B cấp ngày 16/9/2013; GCN QSDĐ số AĐ 767776 do UBND huyện B cấp ngày 14/9/2006; GCN QSDĐ số BG 709433 do UBND thành phố B cấp ngày 16/11/2011 đều đứng tên ông Đoàn Ngọc V. Quá trình vay đến nay bà Đoàn Thị Thanh N mới trả được 219.050.000 đồng, trong đó tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 169.050.000 đồng.

Tính đến ngày 21/5/2019 bà Đoàn Thị Thanh N còn nợ ngân hàng số tiền **1.966.620.833** đồng, trong đó nợ gốc là **1.750.000.000** đồng, nợ lãi là **216.620.833** đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày trả hết số nợ gốc theo mức lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Trường hợp bà Đoàn Thị Thanh N không trả được khoản nợ vay trên thì ngân hàng được yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất số theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC để thu hồi nợ.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn trình bày: Ngày 05/07/2015 tôi có vay vốn tại ngân hàng N số tiền 1.800.000.000 đồng. Thực tế đây là số tiền anh trai tôi là Đoàn Ngọc V nhờ tôi đứng vay hộ vì anh V có nợ xấu không đứng vay được. Tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất đứng tên ông Đoàn Ngọc V. Gia đình đã nhiều lần động viên ông V trả nợ cho ngân hàng nhưng đến nay vẫn chưa trả được nợ. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu tôi trả số nợ **1.966.620.833** đồng, trong đó nợ gốc là **1.750.000.000** đồng, nợ lãi là **216.620.833** đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính

từ ngày 22/5/2019 đến ngày trả hết số nợ gốc theo mức lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thì tôi yêu cầu ông V trả số nợ trên và mong ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình tôi bán tài sản để trả nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên tòa là không chấp hành theo đúng quy định pháp luật, vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N buộc bà Đoàn Thị Thanh N có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền là **1.966.620.833** đồng, trong đó nợ gốc là **1.750.000.000** đồng, nợ lãi là **216.620.833** đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày trả hết số nợ gốc theo mức lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Trường hợp bà Đoàn Thị Thanh N không trả được khoản nợ vay trên thì ngân hàng được yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất số theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng cho bà Đoàn Thị Thanh N và ông Đoàn Ngọc V nhưng mà chỉ có bà Đoàn Thị Thanh N viết bản tự khai. Đồng thời tại phiên tòa lần thứ hai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là buộc bị đơn trả tiền theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ngân hàng N với bà Đoàn Thị Thanh N, đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án:

[5]. Về số tiền vay gốc: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 5201LAV201700515 ngày 05/7/2017 bà Đoàn Thị Thanh N có ký kết hợp đồng tín dụng tại ngân hàng N để vay số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng), lãi suất 10,5 %/năm, thời hạn vay 03 năm, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi thực hiện theo phụ lục kèm theo hoặc theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn trồng tiêu. Quá trình vay đến nay bà Đoàn Thị Thanh N mới trả được 219.050.000 đồng, trong đó tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 169.050.000 đồng. Đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi định kỳ ngày 05/7/2019 nhưng bà Đoàn Thị Thanh N không trả nợ theo như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà Đoàn Thị Thanh N vẫn không trả nợ gốc, nợ lãi như đã cam kết.

Như vậy, bà Đoàn Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi định kỳ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ thực tế sang nợ quá hạn kể từ ngày 06/7/2019 và khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc **1.750.000.000** đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất vay trong hợp đồng tín dụng là 10,5%/ năm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của giữa ngân hàng và bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Cụ thể như sau:

Lãi trong hạn:

Từ 05/7/2017 đến 24/01/2019: $1.800.000.000đ \times 10,50\% \times 569 \text{ ngày} : 360 = 298.725.000đ$

Từ 25/01/2019 đến 21/05/2019: $1.750.000.000đ \times 10,50\% \times 117 \text{ ngày} : 360 = 59.718.000đ$

Lãi quá hạn:

Từ 06/7/2018 đến 21/01/2019: $600.000.000đ \times 5,25\% \times 203 \text{ ngày} : 360 = 17.762.500đ$

Từ 25/01/2019 đến 22/5/2019: $550.000.000đ \times 5,25\% \times 118 \text{ ngày} : 360 = 9.464.500đ$.

Tổng số tiền lãi tính đến ngày ngày 21/5/2019 phải trả là 385.670.500đ. Số tiền lãi đã trả là 169.050.000đ. Tổng số lãi còn phải trả là **216.620.500** đồng.

Như vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N buộc bà Đoàn Thị Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là **1.966.620.500** đồng, trong đó nợ gốc là **1.750.000.000** đồng, nợ lãi là **216.620.500** đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày trả hết số nợ gốc theo mức lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Đối với tài sản thế chấp:

Xét hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

Khi nào bà Đoàn Thị Thanh N thanh toán hết khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại: Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 900009 do UBND huyện B cấp ngày 25/5/2015; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 900010 do UBND huyện B cấp ngày 25/5/2015; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 470447 do UBND huyện B cấp ngày 16/9/2013; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 767776 do UBND huyện B cấp ngày 14/9/2006; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 709433 do UBND thành phố B cấp ngày 16/11/2011 cho ông Đoàn Ngọc V.

Trường hợp bà Đoàn Thị Thanh N không trả được nợ thì tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 35.499.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147,

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Đoàn Thị Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là **1.966.620.500** đồng, trong đó nợ gốc là **1.750.000.000** đồng, nợ lãi là **216.620.500** đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 21/5/2019).

Kể từ ngày 22/5/2019 bà Đoàn Thị Thanh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5201LAV201700515 ngày 05/7/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về tài sản thế chấp: Khi nào bà Đoàn Thị Thanh N thanh toán hết khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại: Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 900009 do UBND huyện B cấp ngày 25/5/2015; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 900010 do UBND huyện B cấp ngày 25/5/2015; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 470447 do UBND huyện B cấp ngày 16/9/2013; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 767776 do UBND huyện B cấp ngày 14/9/2006; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 709433 do UBND thành phố B cấp ngày 16/11/2011 cho ông Đoàn Ngọc V.

Trường hợp bà Đoàn Thị Thanh N không trả được nợ thì tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 030717/79/HĐTC sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về chi phí xem xét thẩm định: Ngân hàng N tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 1.500.000đ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo phiếu thu số 212 ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

4. Về án phí: Bà Đoàn Thị Thanh N phải chịu 35.499.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí và được nhận lại tạm ứng án phí là 35.499.000 đồng do ông Nguyễn Danh U nộp theo biên lai số AA/2019/0001871 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Vũ Văn Tú

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai

